

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và bà Trần Thị Bích Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiếp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:

Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2021, về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1993 (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 (Có mặt)

Đều cư trú: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 18 tháng 5 năm 2012. Ngày cưới, chị về làm dâu ngay và làm ăn, ở chung cùng gia đình anh H. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không có trách nhiệm với gia đình, chơi bời, phá phách tài sản, chị nhiều lần khuyên nhủ anh H không thay đổi, nên vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4/2020 cho đến nay không dàn xếp gì. Nay chị xác định tình cảm của chị đối với anh H không còn, chị yêu cầu được ly hôn.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Về thời gian, thủ tục kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân nhau và nguyên nhân mâu thuẫn cơ bản như chị L trình bày. Ngoài ra, anh có quan hệ không đúng mực với người phụ nữ khác. Nay anh xác định tình cảm của anh đối với chị L không còn, chị L xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Hai bên xác nhận có 02 con là Nguyễn Gia B, sinh ngày 17/12/2013 và Nguyễn Gia C, sinh ngày 06/4/2015, hiện tại hai cháu đang ở với chị L. Ly hôn, chị L đề nghị được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo chị L: Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải chị yêu cầu anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng/cháu, kể từ tháng 8/2021 đến khi các cháu thành niên. Nhưng suy nghĩ lại, anh H không chịu lao động, không có thu nhập, anh lấy tiền ở đâu để cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, tại phiên tòa chị tự nguyện xin thay đổi như đã trình bày trên. Hiện tại, chị làm công nhân tại Công ty S Việt Nam, địa chỉ: Khu công nghiệp K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Thu nhập bình quân từ 7.000.000đ đến 7.500.000đ/tháng (phụ thuộc vào số giờ làm thêm). Chị xác định chị đủ điều kiện bảo đảm cuộc sống cho các cháu.

Anh H đề nghị được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Gia C, để chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Gia B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh H làm nghề thợ mộc tại địa phương. Thu nhập khoảng từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng, nhưng hiện tại do dịch Covid -19 không có việc làm.

Về tài sản chung, khoản có, khoản nợ và đất canh tác: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Hai bên xác nhận không ai giữ tài sản gì của ai.

Về công sức: Tại phiên tòa, hai bên xác nhận chị L có khoảng 08 năm làm ăn, ở chung cùng gia đình anh H. Năm 2019, chị L có 60.000.000đ đóng góp cho gia đình anh H xây nhà ở (kiểu nhà ống) và tiền lương của chị được chi phí sinh hoạt hàng ngày cho cả gia đình (gồm vợ chồng, các con và mẹ đẻ anh H). Ly hôn, hai bên thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn H. Chấp nhận yêu cầu của chị L giao hai cháu B và C cho chị nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác và công sức chị L, anh H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ, cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng; chị L yêu cầu xin ly hôn với anh H nên xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Anh H hiện đang cư trú tại xã B, huyện Y, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Qua lời trình bày của chị L, anh H và qua thu thập chứng cứ thì thấy nguyên nhân là do anh H không chín chu làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình; có quan hệ không đúng mực với người phụ nữ khác và là đối tượng nghiện chất ma túy thuộc diện theo dõi tại địa phương, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Nay hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn, anh H đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy chị L và anh H sống ly thân nhau thời gian đã lâu nhưng vợ chồng không dàn xếp gì với nhau, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng hai bên không còn thiện chí đoàn tụ, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, việc hai bên xin ly hôn là trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có 02 con như anh chị đã xác nhận. Nguyên vọng xin nuôi con của hai bên đều chính đáng. Tuy nhiên, anh H là người không chịu lao động, không có thu nhập ổn định, không có trách nhiệm với các con, trong khi đó chị L có thu nhập ổn định, từ khi vợ chồng sống ly thân các cháu vẫn ở với chị L, được chị chăm sóc các cháu bảo đảm, tình cảm của các cháu đã gắn bó với chị nhiều hơn, chị L có đủ điều kiện để tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì vậy, không đáp ứng yêu cầu của anh H được mà cần chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem

xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Hai bên không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về Ý kiến của Viện Kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị L tự nguyện nộp cả 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 17/12/2013 và cháu Nguyễn Gia C, sinh ngày 06/4/2015; anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị L chịu nộp 300.000đ, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2020/0000233 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Yên Lạc;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai Hương